Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin – ĐH Quốc Gia TP HCM Khoa Kỹ Thuật Máy Tính

# Tài Liệu

Hiện thực mô hình mạng cảm biến không dây sử dụng công nghệ LoRa thông qua giao thức LoRaWan

Sinh Viên:

Sinh Viên:

Giáo viên hướng dẫn:

Bùi Văn Xứng -13521067

Phạm Lê Đình Duy -13520159

TS Trịnh Lê Huy

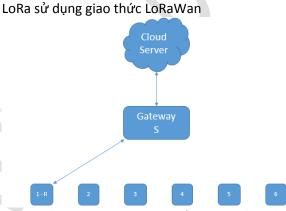
#### LoRa

LoRa là một công nghệ truyền thông không dây mới ra đời vào năm 2014 với nhà phát triển SemTech tại Pháp. LoRa đảm bảo được các yếu tố: Tiết kiệm năng lượng, giao tiếp với khoản cách xa, băng thông truyền nhận thấp. Nó là một trong những đối tượng đáng chú ý của các nhà phát triển, công ty doanh nghiệp... chọn làm một phần của dự án của mình.

Sự khác biệt giữa LoRa không dùng giao thức và khi dùng giao thức LoRaWan.

LoRa không sử dụng giao thức

Khi sử dụng nhiều Node (Thiết bị đầu cuối) cùng một dải tần số thì một Khi có giao thức Gateway sẽ chịu trách nhiêm thu gửi thông tin của từng Node gửi tất cả các Node kia đều nhân được gói tin



Node thông qua các mã ID của từng Node và được quản lí bởi Cloud Server

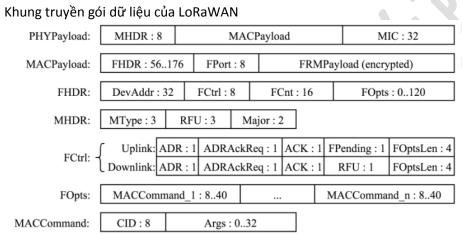
#### LoRaWan

#### Ba lớp truyền dữ liệu đối lớp LoRa.

Lớp A Mở kết nối truyền nhận dữ liệu, thiết bị đầu cuối sẽ gửi giữ liệu theo thời gian do người dùng cài đặt. Tại nơi thu thập dữ liêu (Network Server) sẽ có quyết định nhân dữ liệu ngay lúc đó hay không, hay là bỏ qua. Vì vây muốn được sự phản hồi từ nơi thu thập dữ liệu thì thiết bị đầu cuối phải gửi lên đến khi nào được chấp nhận. Với lớp này sẽ ít tiêu thụ điện năng nhất. Nhưng ít sự linh hoạt nhất vì cần nơi thu thập phải mở chế độ nhận dữ liệu. Lớp B Mở kết nối hai chiều. Qúa trình truyền nhận được đồng bộ dữ thiết bị đầu cuối và nơi thu thập dữ liệu theo thời gian. Vả thiết bị đầu cuối sẽ truyện nhận dữ liệu theo

thời gian đã đặt ra. Mức độ tiêu tốn năng lượng nhiều hơn lớp A và thua lớp C Lớp C Mở cổng hai chiều. Thiết bị đầu cuối sau khi được xác nhân từ nơi thu thập dữ liệu sẽ phản hỗi tín hiệu kết nối. Kết nối luôn mở liên tục. Nên nặng lượng tiêu thu nhiều nhất trong ba lớp.

- o Các chế độ trong LoRaWAN trong lớp C. Chế độ OTAA Kích hoạt tự động thông qua mã thiết bị (DevAddr), mã ứng dung (Appkey). Chế đô ABP Kích hoat thủ công dưa vào giao thức LoRaWAN.
- Các mã cần thiết đối với thiết bị đầu cuối
- DevAddr là mã do người phát triển tư đặt. Tai nơi thu thập dữ liệu Network Server sẽ xác định nhân dang thiết bị đầu cuối thông qua mã này. Mã này đối với Network Server là duy nhất. Mã có đô dài 8 byte
- Appkey là mã xác định thiết bị đầu cuối đối với người dùng thông qua các API trên Network Server. Mã bao gồm 16 byte.

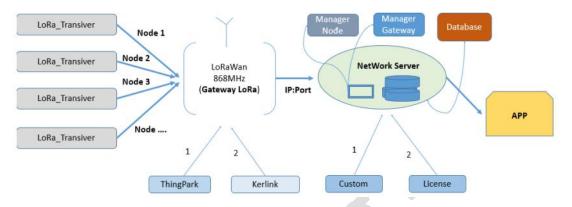


hợp giữa thiết bi đầu cuối đến Gateway cuối cùng đến Network Server.

Đây là quy định được đưa ra theo chuẩn LoRaWAN. Là sự kết

Trong đó:

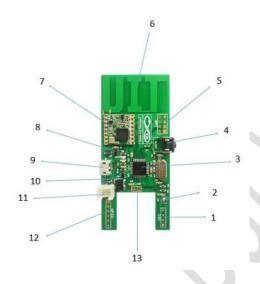
MACPayload là địa chỉ vật lí của Gateway MIC là mã nhân dang toàn ven thông tin truyền nhân CID Là mã nhân dang xác nhân địa chỉ MAC FRMPayload là tải trong, được mã hóa sử dụng FOptsLen là chiều dài của trường 43 FRMPayload dữ liêu được mã hóa theo base64



Mô hình LoRaWAN 868MHz

## Sảm phẩm

Node (Thiết bị đầu cuối)



#### Trong đó:

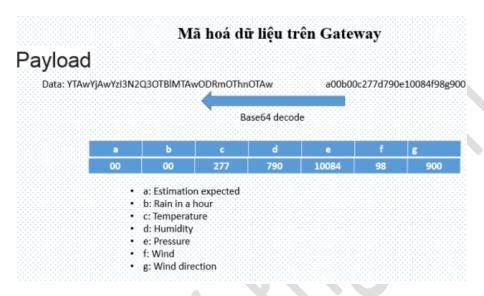
- 1 Cửa ngõ giao tiếp I2C
- 2 IC Si720L cảm biến nhiệt độ, độ ẩm với độ chính xác cao
- 3 MCU Atmega328 vi điều khiển chính của thiết bị đầu cuối
- 4 Button Reset mach
- 5 Ngõ ra giao tiếp SPI
- 6 Anten tấn số 868MHz UIT
- 7 Module LoRa 868MHz
- 8 Ic giám áp xuống 3.3v
- 9 MicroUSB dùng để giao tiếp RS232/RS485 và nạp code cho mạch
- 10 IC sac Pin LiPo
- 11 Ngõ ra cắm Pin LiPo
- 12 6 ngõ ra GPIO truyền nhận tín hiệu Analog và Digital
- 13 Ngõ vào điện áp với củ sạc 220V/60Hz 5V/0.5A

#### Gateway (Trạm cơ sở)

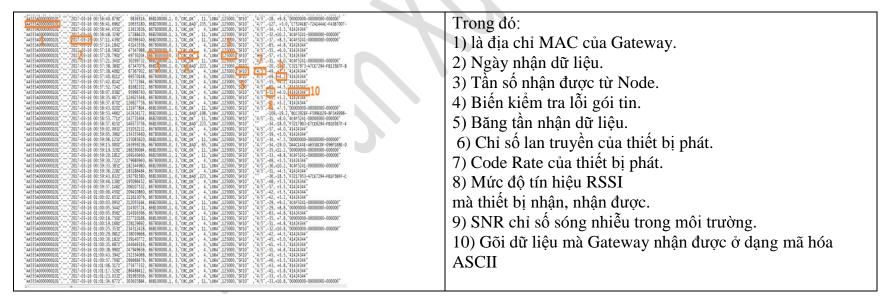


Điện áp hoạt động input nguồn xoay chiều hoặc 5VDC/2.5A.

- Môi trường nhiệt độ chạy ổn định từ 15 35oC
- LoRa Gateway chạy tần số 868MHz, nhận và xử lí dữ liệu đồng thời 8 kênh cùng lúc. Dãi tần số chạy từ 867.5 → 869.5MHz.
- Hỗ trợ kết nối mạng thông qua Cáp Enthernet, WiFi, Dcom 3G được tích hợp sẵn trên thiết bị.
- Hệ thống phần cứng đảm bảo cách li bên ngoài. Chống nước mưa tránh ánh nắng trực tiếp.
- Tuổi thọ của sản phần phụ thuộc vào thẻ nhớ chứa hệ điều hành Raspbian Tần số hỗ trơ 868MHz
- Hỗ trợ chuyển đổi truyền nhận tín hiệu 8 kênh song song với nhau.
- Nguồn cung cấp từ 9 50V
- Bộ phận xử lí Board Raspbery Pi 3
- Hỗ trợ truyền nhận dữ liệu LoRaWAN
   GPS được tích hợp ngay trên thiết bị.



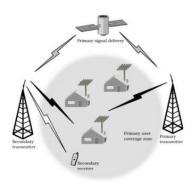
### Gói tin bắt được trên Gateway



# Bảng thống kê dữ liệu cho người dùng cuối bằng file Excel hoặc csv. Bảng hiển thị những thông tin cần thiết theo nhu cầu của người dùng cuối.

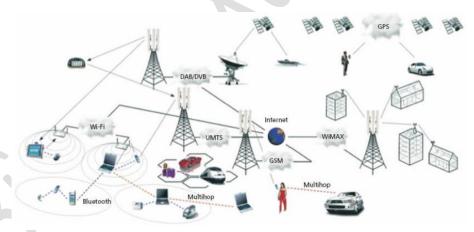
494	1	DuNanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aad 55a0000000101	gateway.	-113	888100000	45	-2.5	<sup>†</sup>	125	NYTONY (SM) YOMZM-	26.33	00.07	GMT+0000 (UTC)	
495	1	Bu/VanXung	Node_3	000000000000000000000000000000000000000	aad 55a0000000101	loca- gateway	-114	848500000	45	-3	7	125	NTUMEAM/IMMA-	26.2	55.1	Sun Jan 14 2008 08:02:22 GMT=0000 (UTC)	
497	1	BurVanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-112	868300000	45	2.8	7	125	NjYsNjEsMjYsMjc=	26:27	66.61	Sun Jan 14 2008 08:02:30 GMT=0000 (UTC)	
408	1	BurVanXung	Node_3	00000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-115	868100000	4/5	4.5	7	125	NTU <sub>4</sub> MTE <sub>4</sub> MjY <sub>8</sub> MjE=	26:21	55.11	Sun Jan 14 2008 08:02:38 GMT=0000 (UTC)	
500	1	BurVanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	lota- gateway	-112	868100000	4/5	-1.2	7	125	NjYuNDkuhljYuhlje-	26:27	66.40	Sun Jan 14 2008 08:02:52 GMT=0000 (UTC)	
501	1	BurVanXung	Node_3	0000000000000000	aa555a0000000101	lota- gateway	-112	888300000	4/5	0.5	7	125	NTUaMTEsMj/8a4jM=	26.23	55.11	Sun Jan 14 2008 08:02:55 GMT+0000 (UTC)	
503	1	BurVanXung	Node_5	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	leta- gateway	-134	868100000	4/5	-0.8	7	125	NTMuOTpMjguNDg=	28.48	53.98	Sun Jan 14 2008 08:03:07 GMT+0000 (UTC)	
504	l	Bu/VanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-110	868100000	4/5	3.2	7	125	NYMDEM/WMJU=	26.25	66.41	Sun Jan 14 2008 08:09:13 GMT+0000 (UTC)	
506	1	Bu/VanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-111	888300000	45	-0.5	7	125	мумагимуммм-	26.23	66.35	Sun Jan 14 2018 08:03:24 GMT+0000 (UTC)	=
507	1	BulVanXung	Node_5	000000000000000000000000000000000000000	aad 55a0000000101	loca- gateway	-111	848300000	45	0.2	7	125	NTMsOTQsMjgsMDg=	28.06	53.94	Sun Jan 14 2018 08:03:24 GMT-0000 (UTC)	
509	1	BurVanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-107	868500000	45	5	7	125	N/YANJEM/YANJE=	26:21	66.29	Sun Jan 14 2018 08:03:36 GMT=0000 (UTC)	
510	1	BurVanXung	Node_5	00000000000000000	aa555a0000000101	lota- galeway	-112	868500000	45	1	7	125	NTMsOTtsMjesoDQ=	27.84	53.92	Sun Jan 14 2008 08:03:40 GMT=0000 (UTC)	
511	1	BurVanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa/555a0000000101	lota- gateway	-113	868100000	4/5	i	3"	125	кукарамучара-	26:23	66.23	Sun Jan 14 2008 08:03:46 GMT=0000 (UTC)	
513	1	Bu/VanXung	Node_3	6000000000000000	aaSSSa0000000101	lota- gateway	-112	888500000	4/5	1.5	7	125	NTUMTEM/WAIDM-	26.09	55.11	Sun Jan 14 2008 08:03:49 GMT+0000 (UTC)	
514	1	Bu/VanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	leta- gateway	-107	888300000	4/5	6.2	7	125	NJYMTEMJYMTg=	26.18	66.11	Sun Jan 14 2018 08:03:56 GMT+0000 (UTC)	
516	1	BurVanXung	Node_3	0000000000000000	aa555a0000000101	leca- gateway	-115	868100000	4/5	6.5	7	125	NTUMBUMBUMTI-	25.92	55.05	Sun Jan 14 2008 08:04:05 GMT+0000 (UTC)	
517	l	Bu/VanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-108	888500000	45	3.2	7	125	NJUsOTIsMJYsMTI=	26.12	65.99	Sun Jan 14 2018 08:04:09 GMT+0000 (UTC)	
518	1	BulVanXung	Node_5	000000000000000000000000000000000000000	aad 55a0000000101	loca- gateway	-107	868300000	45	5	7	125	NTMuODisMjouMTc=	27.17	53.89	Sun Jan 14 2018 08:04:13 GMT=0000 (UTC)	
520	1	BurVanXung	Node_1	000000000000000000000000000000000000000	aa555a0000000101	loca- gateway	-113	868100000	45	-2	Ţ	125	NjUsODrsMjYsMTM=	26.13	65.87	Sun Jan 14 2008 08:04:20 GMT=0000 (UTC)	

Lí thuyết tìm thấy sự tương quang về quá trình truyền dữ liệu thông qua các công nghệ truyền thông phổ biến hiện nay. Phân tích và tìm thấy sự khác biệt giữa các mô hình truyền dững liệu. Mỗi mô hình có các đặc tính và các thống số truyền riêng.



Mô hình truyền dữ liệu với sóng Radio

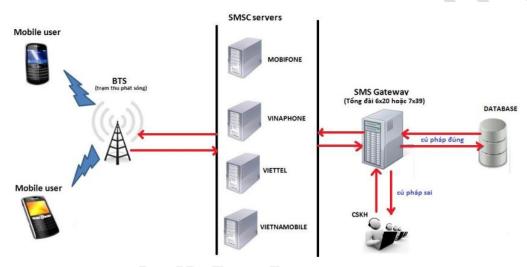
Với nhiều thành phần cấu thành quá trình kết nối giúp tăng tốc độ truyền dữ liệu phần tách và chia sẽ đầu ra giúp quá trình kết nối để hàng triệu người dùng được diễn ra bình thường.



Mô hình kết nối truyền dữ liệu đối với sóng 3G/4G

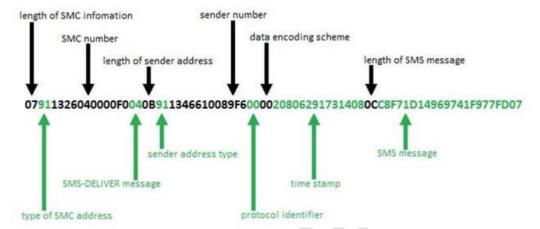
Đối với mô hình mạng 2G có sự tương đồng nhiều nhất đối với mô hình LoRaWan. Qúa trình truyền và xử lí dữ liệu cho thấy được sự tương đồng về Node, Gateway, Server. Mô hình truyền nhận dữ liệu quyết định tầm quan trọng bảo mật, tốc độ, khả năng đáp ứng đối với số lượng nhiều. Quang trọng hơn hết đó là sự quản lí chặt chẽ các thành phần có trong mô hình.

Mô hình 2G truyền gói tin dạng Text hoặc một cuộc gọi được thể hiện cụ thể như hình bên dưới.



Mô hình truyền dữ liệu 2G

Định dạng gói tin cho thấy sự mã hóa, cấu trúc hóa quá trình truyền nhận một gói dữ liệu.



Cấu trúc gói tin với 1 gói tin SMS

PHYPayload:	MHDR:8		M	ACPaylo	ad		MIC: 32			
MACPayload:	FHDR : 561	76	FPort :	8	FRMPayload (encrypted)					
FHDR:	DevAddr: 32	2	FCtrl: 8	FC	Cnt: 16		FOpts: 0120			
MHDR:	MType: 3 RFU: 3 Major: 2									
ECtrl.	Uplink: AI Downlink: AI	OR : 1	ADRAc	kReq:1	ACK :	1 FP	ending: 1	FOptsLen: 4		
rem: ¬	Downlink: AI	OR : 1	ADRAc	kReq:1	ACK :	1 F	RFU:1	FOptsLen: 4		
FOpts:	MACComma	and_1	: 840			MACCommand_n: 840				
ACCommand:	CID:8		Args: 0	32						

Cấu trúc và định dạng gói tin với LoRaWan

### Dưới đây là một ví dụ về mã hóa chuỗi tín hiệu của LoRaWAN

```
Assuming base64-encoded packet
ADFGUkFEshgAdAoAAACyGADXQ5rzpZs=
Message Type = Join Request
PHYPayload = 003146524144B21800740A000000B21800D7439AF3A59B
(PHYPayload = MHDR[1] | MACPayload[..] | MIC[4])
   MHDR = 00
MACPayload = 3146524144B21800740A000000B21800D743
    MIC = 9AF3A59B
(MACPayload = AppEUI[8] | DevEUI[8] | DevNonce[2])
  AppEUI = 0018B24441524631
  DevEUI = 0018B20000000A74
 DevNonce = 43D7
```